

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Thiện.
- Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 4 và ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số Đ, khóm E, phường F, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm: 19GG.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh Tr sống chung vợ chồng vào năm 2003, không có tổ chức đám cưới do gia đình khó khăn, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2005 tại UBND phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, trước khi sống chung vợ chồng chị H và anh Tr có tự tìm hiểu nhau 03 tháng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, có lúc anh Tr đuổi đánh chị H; nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường uống rượu say về nhà kiếm chuyện gây gổ và đuổi đánh chị H. Những hạn chế, khuyết điểm của anh Tr chị H đã nhiều lần trao đổi, góp ý với anh Tr nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Từ năm 2020 chị H về nhà cha mẹ ruột của chị H sinh sống, cũng từ thời gian này chị H và anh Tr không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay. Trước đây, cuối năm 2021 chị H có nộp đơn yêu cầu ly hôn anh Tr đến Tòa án, đến đầu năm 2022 chị H rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ vụ án, nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung với nhau được.

Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm đối với anh Tr không còn nên chị H yêu cầu ly hôn anh Tr. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì chị H cũng không quay về sống chung vợ chồng với anh Tr.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/20YY và Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 21/12/20ZZ, hiện 02 con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung, chị H không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Hữu Tr vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh Tr không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho anh Tr nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị H và anh Tr là cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Thị Mỹ K trình bày: Khi cha mẹ ly hôn, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Ngọc H.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Hữu Tr không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, anh Tr không chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Hữu Tr.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, cho chị H ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/20YY và Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 21/12/20ZZ, hiện 02 con chung đang sống với chị H; anh Tr không cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Anh Nguyễn Hữu Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Tr theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh Tr chung sống vợ chồng từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/2005 tại UBND phường An Hòa, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Tr được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, như thường xuyên gây gổ; nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2020 chị H về nhà cha mẹ ruột của chị H sinh sống, cũng từ thời gian này chị H và anh Tr không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau đến nay. Trước đây, cuối năm 2021 chị H có nộp đơn yêu cầu ly hôn

anh Tr đến Tòa án, đến đầu năm 2022 chị H rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ vụ án, nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung với nhau được.

Chị H xác định là không còn tình cảm với anh Tr, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng không trở về chung sống với anh Tr.

Về phía anh Tr: Dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, đã biết được chị H yêu cầu ly hôn, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến để Tòa án xác minh làm rõ, ghi nhận ý kiến của anh Tr đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Nếu anh Tr thật sự còn tình cảm và mong muốn hàn gắn vợ chồng với chị H thì anh Tr đã sắp xếp công việc đến Tòa án để trình bày ý kiến, nguyện vọng của anh Tr, nhưng anh Tr không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Điều đó chứng tỏ anh Tr bỏ mặc chị H, không còn quan tâm chị H.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”

Và tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*.

Từ năm 2020 chị H, anh Tr sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lo lắng cho nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cũng đã động viên chị H hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Chị H trình bày trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì chị H cũng không trở về sống chung vợ chồng với anh Tr.

Vì vậy, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Tr đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc, tôn trọng nhau. Nếu chị H, anh Tr đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu được ly hôn anh Tr là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các cháu Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Mỹ K đang có cuộc sống ổn định với chị H. Chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, cháu K tốt; ý kiến của 02 cháu T và K đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T và cháu K cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, phù hợp quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu trong sinh hoạt, học tập. Anh Tr được quyền tới lui thăm nom chăm sóc 02 con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không có yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị H xác định là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/20YY và Nguyễn Thị Mỹ K, sinh ngày 21/12/20ZZ, hiện cháu T và cháu K đang sống với chị H.

- Anh Nguyễn Hữu Tr có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 06/10/2022 theo biên lai thu số 0001055 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND phường An Hòa, TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Quốc Danh